

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### I. Giới thiệu:

- Tên gói thầu: Thực hiện đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính phường Trảng Dài.
- Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Trảng Dài.
- Thời gian thực hiện: 30 ngày.

#### II. Phạm vi công việc:

| Stt | Tên sản phẩm                                           | ĐVT | Khối lượng | Mức khó khăn |
|-----|--------------------------------------------------------|-----|------------|--------------|
| I   | Bản đồ địa chính                                       | ha  | 659,90     |              |
| I.1 | Đo chỉnh lý bđc khu vực biến động đồng loạt, tập trung | ha  | 358,90     |              |
| 1   | Đất không thuộc giao thông, thủy lợi                   | ha  | 319,10     |              |
| 1.1 | Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000                          | ha  | 216,80     |              |
| a   | Ngoại nghiệp                                           | ha  | 64,00      | 1            |
|     |                                                        | ha  | 109,93     | 3            |
|     |                                                        | ha  | 32,87      | 4            |
| b   | Nội nghiệp (không lập HSKTTĐ)                          | ha  | 68,00      | 1            |
|     |                                                        | ha  | 109,93     | 3            |
|     |                                                        | ha  | 38,87      | 4            |
| 1.2 | Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000                          | ha  | 102,30     |              |
| a   | Ngoại nghiệp                                           | ha  | 40,53      | 1            |
|     |                                                        |     | 34,93      | 2            |
|     |                                                        |     | 26,83      | 3            |
| b   | Nội nghiệp (không lập HSKTTĐ)                          | ha  | 40,53      | 1            |
|     |                                                        |     | 34,93      | 2            |
|     |                                                        |     | 26,83      | 3            |
| 2   | Đất thuộc giao thông, thủy lợi                         | ha  | 39,80      |              |
| 2.1 | Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000                          | ha  | 23,70      |              |
| a   | Ngoại nghiệp                                           | ha  | 5,30       | 1            |
|     |                                                        |     | 6,90       | 3            |
|     |                                                        |     | 7,60       | 4            |

| Stt | Tên sản phẩm                             | ĐVT   | Khối lượng | Mức khó khăn |
|-----|------------------------------------------|-------|------------|--------------|
| b   | Nội nghiệp (không lập HSKTTĐ)            | ha    | 6,40       | 1            |
|     |                                          |       | 8,20       | 3            |
|     |                                          |       | 9,10       | 4            |
| 2.2 | Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000            | ha    | 16,10      |              |
| a   | Ngoại nghiệp                             | ha    | 3,50       | 1            |
|     |                                          |       |            | 2            |
|     |                                          |       | 6,10       | 3            |
| b   | Nội nghiệp (không lập HSKTTĐ)            |       | 3,50       | 1            |
|     |                                          |       |            | 2            |
|     |                                          |       | 6,50       |              |
|     |                                          |       | 6,10       | 3            |
| I.2 | Biên tập bản đồ địa chính                | ha    | 301,00     |              |
| 1   | - Tỷ lệ 1/1000                           | ha    | 162,60     | 1-5          |
| 2   | - Tỷ lệ 1/2000                           | ha    | 138,40     | 1-5          |
| II  | Thuế GTGT 8%                             |       |            |              |
| III | Chi phí khác                             |       |            |              |
| 1   | Kinh phí khảo sát lập thiết kế - Dự toán |       |            |              |
| 2   | Phí cập nhật file (số thửa biến động)    | thửa  | 8000       |              |
| 3   | Chi phí in ấn                            |       |            |              |
| -   | Chi phí in ấn sổ sách (A4)               | tờ A4 | 8000       |              |
| -   | Chi phí in ấn bản đồ (38 tờ A0 x 3)      | tờ A0 | 114        |              |
| 4   | Chi phí thẩm định giá                    |       |            |              |
| 5   | Chi phí trong lựa chọn nhà thầu          |       |            |              |
| -   | Chi phí lập hồ sơ mời thầu E-HSMT        |       |            |              |
| -   | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu E-HSMT  |       |            |              |
| -   | Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu E-HSDT    |       |            |              |
| -   | Chi phí thẩm định KQLTNT                 |       |            |              |

**\*Ghi chú:**

- Đơn giá vật tư, khấu hao máy tính theo Quyết định 17/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.
- Chi phí chung được tính theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày

22/12/2017 của Bộ Tài chính

- + Ngoại nghiệp : 25% chi phí trực tiếp
- + Nội nghiệp : 15% chi phí trực tiếp.

- Chi phí KTNT được tính theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính

- + Ngoại nghiệp : 4% chi phí thực hiện
- + Nội nghiệp : 3% chi phí thực hiện

### III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Thời gian thực hiện: 30 ngày.

2. Tiến độ báo cáo: Nhà thầu phải định kỳ báo cáo Chủ đầu tư về kết quả thực hiện công việc theo quy định, phải cung cấp tài liệu, sản phẩm và giải trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.

### IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Theo yêu cầu tại mục 2 chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

### V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Cung cấp các tài liệu, hồ sơ, văn bản cần thiết theo đề nghị của Nhà thầu để thực hiện gói thầu;

- Tổ chức nghiệm thu sản phẩm của nhà thầu khi hoàn thiện sản phẩm;
- Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp để phối hợp cùng nhà thầu giải quyết các vướng mắc phát sinh về kỹ thuật trong quá trình thực hiện;
- Xử lý kịp thời những đề xuất của người trực tiếp thực hiện gói thầu;
- Phối hợp với nhà thầu thực hiện các công việc khác liên quan đến gói thầu.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HẠ TẦNG AN KHANG PHÁT  
 E-Ký báo cáo Chủ đầu tư  
 Ngày.....tháng.....năm.....  
 Ký tên:.....